

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11/10/2019
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo; Ông Điều Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Viễn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Hội - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 202/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc B - sinh năm 1994.

Địa chỉ: ấp 4, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Chí L - sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp 5, xã S, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 12/3/2019, bản tự khai, nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc B trình bày:

Chị và anh Nguyễn Chí L tự nguyện kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Suối Nho cấp giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 17/4/2017. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 tháng thì xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân là do mâu thuẫn về cách chi tiêu tiền bạc và mỗi lần cãi nhau thì anh L đánh chị. Do không thể tiếp tục chịu đựng nên từ tháng 02/2018

đến nay, chị đã sống ly thân với anh L và vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn mối quan hệ vợ chồng với anh Nguyễn Chí L.

Chị và anh L không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Chí L đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, triệu tập làm việc, mời tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh L vắng mặt không có lý do. Anh L cũng không nộp văn bản nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc B.

- Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án và giao các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Tình trạng hôn nhân giữa chị B và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B.

Chị B, anh L không có con chung, tài sản chung, nợ chung nên không phải xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Nguyễn Chí L cư trú tại ấp 5, xã S, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân huyện Đ có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ kiện.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Trần Thị Ngọc B khởi kiện yêu cầu ly hôn, không con chung, tài sản chung nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự:

Chị Trần Thị Ngọc B có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Chí L được Tòa án triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc B và anh Nguyễn Chí L tự nguyện kết hôn; hôn nhân không vi phạm điều cấm của pháp luật nên được công nhận hợp pháp.

Qua kết quả xác minh thể hiện: cuộc sống vợ chồng giữa chị B và anh L đã xảy ra những bất đồng, mâu thuẫn và hai người đã tự chấm dứt đời sống chung của vợ chồng kể từ tháng 2/2018 đến nay (BL 24 - 31). Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...có nghĩa vụ sống chung với nhau”*. Quá trình sống ly thân, vợ chồng chị B, anh L không quan tâm, chăm sóc, không thực hiện quyền nghĩa vụ chung của vợ chồng mà bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống.

Tòa án đã nhiều lần mời anh L đến để hòa giải, hàn gắn tình cảm cho hai người nhưng anh L không đến, điều đó cho thấy anh L không còn mong muốn hàn gắn, đoàn tụ.

Vì lẽ đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh L đã trầm trọng; cuộc sống chung không còn; mục đích hôn nhân không đạt được. Chị B xin ly hôn với anh L là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận.

[2.2] Về quan hệ con chung: chị B, anh L không có con chung nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68, Điều 147, Điều 228, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị Ngọc B và anh Nguyễn Chí L được ly hôn.

2. Về con chung: không có, không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Ngọc B phải chịu 300.000 đồng. Chị B đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0002205 ngày 07/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ được chuyển thu án phí.

Chị Trần Thị Ngọc B, anh Nguyễn Chí L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định luật của tổ tụng dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã Suối Nho;
- Lưu.

Lê Xuân Hòa